TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/DSST
Ngày: 30-9-2024
V/v"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 77/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1818/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 1935/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng N (A1)

Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thu V1 - Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N chi nhánh thị xã A, tỉnh Bình Định.

Theo quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V2, Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N, Chi nhánh thị xã A (có mặt)

Địa chỉ: Số D đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

Theo Giấy ủy quyền số 1177/UQ-NHNNoAN-TH ngày 16/7/2024 của Ngân hàng N

Bị đơn: Bà Đặng Thị P, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N ông Nguyễn Thế V2 trình bày*:

Ngày 03/01/2019, Ngân hàng N, Chi nhánh thị xã A, tỉnh Bình Định (gọi tắt A1) cho bà Đặng Thị P vay theo hợp đồng tín dụng số 4303-LAV-201900015 và giấy nhận nợ số 4303LDS201900045 ngày 03/01/201 số tiền vay gốc 80.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, ngày đến hạn là ngày 03/01/2022, mục đích vay chăn nuôi bò; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nhận nợ 9%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Quá trình vay, bà Đặng Thị P đã trả cho A1 số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng, đến ngày 02/8/2024, bà Đặng Thị P trả số tiền vay gốc 2.000.000đ và ngày 29/8/2024 tiếp tục trả số tiền vay gốc 5.000.000đ. Tính đến ngày 09/9/2024, bà Đặng Thị P còn nợ tại A1 Chi nhánh thị xã A, tỉnh Bình Định, tiền vay gốc 53.000.000đ, tiền lãi trong hạn từ ngày 22/10/2022 đến ngày 09/9/2024 là 13.520.178đ, tiền lãi phạt quá hạn 6.078.534đ, tổng cộng số tiền 72.598.712đ.

A1 chi nhánh thị xã A, tỉnh Bình Định yêu cầu bà Đặng Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A1 toàn bộ số nợ gốc là 53.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 22/10/2022 đến ngày 30/9/2024 là 13.520.178 đồng, tiền lãi phạt quá hạn 6.078.534 đồng, tổng cộng 72.598.712đ (bảy mươi hai triệu năm trăm chín mươi tám nghìn bảy mười hai đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày tiếp theo ngày 30/9/2024 cho đến khi thi hành án.

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2024, các thủ tục tố tụng tiếp theo bị đơn bà Đặng Thị Phương trình B*: Vào năm 2019 bà có làm hợp đồng với Ngân hàng N, Chi nhánh thị xã A, tỉnh Bình Định để vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để đưa cho con trai làm ăn. Mọi thủ tục tại Ngân hàng do một mình bà đứng ra ký kết và có giao cho Ngân hàng A1 chi nhánh thị xã A 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chồng Phạm A để làm tin. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà đã trả được số tiền vay gốc là 22.000.000 đồng, còn nợ gốc là 58.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22/10/2022 đến ngày 05/8/2024 là 18.139.315 đồng. Nay bà thống nhất còn nợ Ngân hàng A1 số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 76.139.315 đồng, bà xin trả dần số tiền trên hằng tháng cho đến khi hết nợ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều Đề nghị Hội đồng xét xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Theo hợp đồng tín dụng số 4303-LAV-201900015 và giấy nhận nợ số 4303LDS201900045 ngày 03/01/2019 giữa Ngân hàng N (A1)- Chi nhánh thị xã A, tỉnh Bình Định với bà Đặng Thị P thì bà P ký hợp đồng vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, ngày đến hạn trả số tiền vay gốc là ngày 03/01/2022 (phân kỳ trả gốc cụ thể: 03/01/2020 trả 5.000.000 đồng, ngày 03/01/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 03/01/2022 trả 70.000.000 đồng; phân kỳ trả tiền lãi: 03 tháng/kỳ), mục đích vay chăn nuôi bò, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nhận nợ 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hợp đồng được hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật về giao dịch dân sự. Sau khi ký kết hợp đồng thì A1 Chi nhánh thị xã A đã giải ngân cho bà P nhận số tiền vay 80.000.000 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện A1-Chi nhánh thị xã A xác định bà Đặng Thị P đã trả cho A1 Chi nhánh thị xã A, tỉnh Bình Định tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc là 27.000.000 đồng, tiền lãi trả đến ngày 21/10/2022 là 27.591.133 đồng. Do bà P không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp tiền vay gốc, lãi cho Ngân hàng nên ngày 10/6/2024 A1 đã tiến hành việc khởi kiện bà Đặng Thị P tại Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn để yêu cầu trả tiền vay gốc lãi cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo, đôn đốc, làm việc trực tiếp yêu cầu bà Đặng Thị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Đặng Thị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Do đó việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị P thanh toán tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận buộc bà Đặng Thị P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền vay gốc còn nợ là 53.000.000đ, tiền lãi từ ngày 22/10/2022 đến ngày 30/9/2024 là 19.598.712 đồng (trong đó tiền tiền lãi trong hạn là 13.520.178 đồng, tiền lãi phạt quá hạn 6.078.534 đồng), tổng cộng số tiền 72.598.712 (bảy mươi hai triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

[3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm: Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng lãi suất, điều chỉnh lãi suất của ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm thì yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên buộc bà Đặng Thị P phải

tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 03/01/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[4] Bà Đặng Thị P yêu cầu xin trả dần hàng tháng nhưng không được đại diện Ngân hàng N, Chi nhánh thị xã A đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và bà Đặng Thị P theo hình thức tín chấp, không làm hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định về giao dịch bảo đảm do đó buộc Ngân hàng N, Chi nhánh thị xã A hoàn trả cho bà Đặng Thị P 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00071/QSDĐ I12 do UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 19/4/1993 đứng tên Phạm An .

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đặng Thị P là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ngân hàng N không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463 Bộ luật Dân sự, Án lệ số 08/2016/AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng lãi suất, điều chỉnh lãi suất của ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm; các Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Tổ chức các tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2/ Buộc bà Đặng Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc còn nợ tính đến ngày 30/9/2024 là 53.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 13.520.178 đồng, tiền lãi phạt quá hạn 6.078.534 đồng, tổng cộng 72.598.712 đồng (bảy mươi hai triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

3/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) bà Đặng

Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4303-LAV-201900015 ngày 01/3/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

4/ Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà Đặng Thị P vì không có căn cứ.

5/ Buộc Ngân hàng N, Chi nhánh thị xã A trả cho bà Đặng Thị P 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00071/QSDĐ I12 do UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 19/4/1993 đứng tên Phạm An .

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị P là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng N, Chi nhánh thị xã A tiền tạm ứng án phí là 1.913.000 đồng (một triệu chín trăm mười ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005478 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

7/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ